NHỮNG THÁCH THỨC MỚI TRONG ĐÀO TẠO NGUỒN NHÂN LỰC CHẤT LƯỢNG CAO TRONG NỀN KINH TẾ SỐ

Trần Anh Tú
Trường Cao đẳng Sư phạm Lạng Sơn

Tóm tắt: *Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho nền kinh tế số hiện nay là một trong những chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, tạo tiền đề vững chắc cho hội nhập quốc tế. Tuy nhiên, với những thay đổi nhanh chóng của đời sống thực tiễn, khoa học công nghệ, nền kinh tế số đang đặt ra những thách thức mới trong việc đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao - một trong những mắt xích quan trọng, tạo nên bước đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam hiện nay.*

Từ khóa: *Nguồn nhân lực chất lượng cao; Đào tạo; Kinh tế số.*

NEW CHALLENGES IN TRAINING HIGH-QUALITY HUMAN RESOURCES IN THE DIGITAL ECONOMY

Tran Anh Tu
Lang Son College of Education

Abstract: *Training high quality human resources in the current digital economy is one of the strategies for socioeconomic development, creating a solid premise for international integration. However, with the rapid changes in socio-political life, science and technology, the digital economy is posing new challenges in training high quality human resources - one of the important links, to create a breakthrough in socio economic development in Vietnam today.*

Keywords: *High quality human resources; Training; Digital economy.*

Nhận bài: 20/02/2025 *Phản biện: 16/03/2025* *Duyệt đăng: 21/03/2025*

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 (CMCN 4.0) và xu hướng chuyển đổi số trong kinh tế, xã hội với những bước đột phá về công nghệ số đang tạo ra những tác động to lớn tới sự phát triển của thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng. Việt Nam đang trong giai đoạn đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa (CNH, HĐH), thực hiện các mục tiêu chiến lược trong đó trọng tâm là phát triển kinh tế tri thức và quá trình hội nhập quốc tế để đưa đất nước ngày càng phát triển. Trong nền kinh tế số với những yêu cầu rất cao về tiềm lực trí tuệ và khoa học công nghệ (KHCN) đang đặt ra những thử thách lớn đối với phát triển nguồn nhân lực (NNL), trong đó nguồn nhân lực chất lượng cao (NNLCLC) chiếm vị trí hàng đầu. NNLCLC hiện nay được xem là yếu tố quan trọng, tiền đề vững chắc và là nhân tố quyết định đến tốc độ phát triển kinh tế - xã hội.

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Vai trò của NNLCLC trong phát triển kinh tế số ở nước ta hiện nay

NNLCLC là một bộ phận cấu thành đặc biệt quan trọng nằm trong chiến lược phát triển tổng thể NNL của quốc gia. Để đào tạo NNLCLC trong đó đặc biệt chú trọng đào tạo gắn kết chặt chẽ với phát triển và ứng dụng KHCN được coi là một đột phá chiến lược, là yếu tố quyết định để cơ cấu lại nền kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng và lợi thế cạnh tranh, bảo đảm cho phát triển nhanh, hiệu quả và bền vững. Việt Nam đang trong quá trình hội nhập sâu vào nền kinh tế thế giới, riêng về kinh tế, mục tiêu này ngày càng mở rộng được thị trường, bán được nhiều hàng hóa dịch vụ. Chất lượng và giá cả hàng hóa phụ thuộc vào hai yếu tố chủ chốt: đó là trình độ công nghệ của sản xuất và trình độ chuyên môn, kỹ thuật của NNL. Nguồn vốn đầu tư nước ngoài và công nghệ mới vào Việt Nam kéo theo việc làm, các nghề mới, kinh nghiệm và kỹ năng quản lý. Những diễn biến này đang tác động trực tiếp đến NNL và phát triển NNLCLC của Việt Nam.

2.2. Thực trạng và thách thức mới trong đào tạo NNLCLC hiện nay

Theo kết quả Điều tra dân số và nhà ở giữa kỳ năm 2024, tính đến ngày 1/4/2024, dân số Việt Nam là: 101.112.656 người, trong đó tỷ lệ tham gia lực lượng lao động chiếm khoảng 64,6%. Đây là một lợi thế vô cùng thuận lợi để đáp ứng cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo khoảng 64,5% (theo đánh giá của Tổng cục Thống kê quý I/2021); năng suất lao động của Việt Nam được cải thiện rõ rệt, bình quân giai đoạn 2016 - 2020 tăng 5,8%/năm, cao hơn giai đoạn 2011 - 2015 (4,3%). Đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) bình quân 5 năm đạt khoảng 45,2% (mục tiêu đề

ra là 30 - 35%).

Thực tế hiện nay cho thấy, NNL chưa thực sự đáp ứng được yêu cầu của thị trường và đơn vị sử dụng lao động, nhất là việc ứng dụng công nghệ số. Tình trạng người lao động làm việc không phù hợp với ngành nghề được đào tạo, cũng như với trình độ chuyên môn và tay nghề được đào tạo. Số liệu thống kê cho thấy 81,1% lao động có trình độ cao đẳng, 60,4% số lao động có trình độ trung cấp, 23,8% số lao động có trình độ đại học trở lên làm các công việc có yêu cầu trình độ chuyên môn kỹ thuật, kỹ năng thấp hơn so với trình độ chuyên môn kỹ thuật được đào tạo (theo bằng cấp/chứng chỉ).

Đối với chương trình đào tạo và nội dung giảng dạy Đại học nói chung và đào tạo NNLCLC nói riêng, mặc dù đã đổi mới rất nhiều tuy nhiên chương trình và nội dung đào tạo vẫn mang nặng tính lý thuyết, thời gian thực tế và thực hành chuyên môn, tay nghề còn khiêm tốn. Theo một thống kê và so sánh cho thấy, học viên đào tạo đại học tại Việt Nam là 2.138 giờ/4 năm học, ở Mỹ thời gian này ngắn hơn 1.380 giờ, còn lại thời gian dành cho các hoạt động bổ trợ và đào tạo chuyên sâu, kỹ năng, tay nghề, các hoạt động xã hội tăng lên. Chất lượng NNL có kiến thức chuyên môn về công nghệ và sau đào tạo chưa đáp ứng được yêu cầu của thị trường lao động.

Trong quá trình đào tạo, hiện nay đội ngũ giảng viên (GV) được tăng cường cả về chất và lượng theo chuẩn quốc tế. Theo Bộ Giáo dục và Đào tạo, cả nước hiện có 235 trường đại học, có 74.991 GV, trong đó có 20.198 GV có trình độ tiến sĩ (trên 24.300 tiến sĩ của cả nước), 44.634 GV có trình độ thạc sĩ (trên 101.000 thạc sĩ của cả nước). Tính đến 2020, tỷ lệ GV có chức danh giáo sư, phó giáo sư trong toàn bộ hệ thống giáo dục Việt Nam là 6%, tỷ lệ GV có trình độ tiến sĩ là 22,7% cho thấy đội ngũ GV của các trường từng bước chuẩn hóa, đáp ứng yêu cầu đặt ra đối với công tác đào tạo. Tuy nhiên số lượng này vẫn tập trung ở các trường đại học lớn ở trung tâm, còn các trường cao đẳng, trung cấp con số này khá khiêm tốn, điều đó cũng đang ảnh hưởng không nhỏ tới quá trình đào tạo NNLCLC một cách đồng đều theo phạm vi và quy mô từng vùng, từng địa phương.

2.3. Những thách thức mới đặt ra trong đào tạo NNLCLC hiện nay

Những thách thức tác động trực tiếp của khoa học công nghệ. Sự bùng nổ của cách mạng khoa học kỹ thuật, công nghệ số, điện toán đám mây, robot, ứng dụng trí tuệ nhân tạo… đang tạo ra một diện mạo rất mới trong đời sống kinh tế, cùng với sự chuyển đổi nhanh chóng của kinh tế thế giới đang đặt ra rất nhiều những thách thức cho công tác đào tạo NNLCLC đáp ứng cho các ngành nghề, lĩnh vực đòi hỏi nhiều chất xám và trí tuệ cao. Trong khi đó nguồn lao động của Việt Nam chủ yếu là lao động phổ thông, thiếu nguồn lao động được đào tạo chuyên sâu, để đáp ứng vào những khâu yêu cầu tay nghề, kỹ thuật cao trong chuỗi sản xuất hiện đại, nên dẫn đến nguy cơ lớn về việc dư thừa lao động, đặt ra vấn đề đào tạo lại cho các lao động dư thừa này.

Thách thức trong công tác đào tạo, bồi dưỡng và tuyển sinh. Sứ mệnh và tầm nhìn trong đào tạo NNLCLC thực sự gặp thách thức khi các doanh nghiệp đang thay đổi mạnh mẽ phương thức sản xuất, kinh doanh, chuyển giao công nghệ mới, chuyển giao công nghệ kết hợp với đào tạo, xã hội hóa hoạt động đào tạo nhân lực cho cách mạng 4.0 để đáp ứng nhu cầu chuyển đổi số, hiện nay các doanh nghiệp đang thiếu hụt một nguồn lực rất lớn người lao động có đủ kiến thức, kỹ năng (bao gồm cả kỹ năng cứng về kỹ thuật số, công nghệ, lập trình, tương tác với người máy, kỹ năng số hóa vận hành trên nền tảng số hóa một số quy trình sản xuất và quản trị doanh nghiệp…). Quá trình đào tạo lại chưa đáp ứng kịp thời nguồn lao động này cho thị trường, điều đó cho thấy hoạt động đào tạo, bồi dưỡng và tuyển sinh nguồn lao động chất lượng cao gặp nhiều thách thức, không ít khó khăn, vướng mắc trong hướng đi và đổi mới chiến lược để đáp ứng tốt nhất nguồn lao động có chất lượng cho hoạt động kinh tế xã hội. Thực trạng thiếu đồng bộ trong cải cách chương trình đào tạo và các tiêu chí chuẩn đầu ra mang tầm chiến lược lâu dài trước sự thay đổi của thực tiễn phát triển của đất nước cùng với những mặt hạn chế về cơ sở vật chất (CSVC), hạ tầng, dữ liệu cơ sở đang gây khó khăn cho việc thu hút nhân tài, hoặc cơ sở vật chất chưa đồng bộ đang kéo lùi chất lượng đào tạo, việc đầu tư nguồn tài chính lớn cho việc nâng cấp, trang thiết bị KHCN để nâng cao đào tạo kiến thức chuyên môn cũng là bài toán lớn.

Thách thức trong chuyển dịch cơ cấu nền kinh tế và chuyển dịch lao động. Kinh tế số phát triển đang tạo ra những chuyển dịch không nhỏ trong nền kinh tế đòi hỏi phải có NNL phát triển tương ứng và để triển khai, tổ chức thực hiện, vận hành nền kinh tế một cách hiệu quả. Kinh tế số phát triển sẽ dẫn đến những thay đổi mạnh mẽ về lao

động, quá trình chuyển đổi số sẽ vừa làm mất đi những việc làm thủ công, nhưng cũng sẽ tạo ra việc làm mới đòi hỏi kỹ năng chuyên môn cao hơn về KHCN. Nhất là, sau khoảng thời gian ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 vừa qua đã có không ít doanh nghiệp chuyển đổi mô hình sản xuất, trong đó sử dụng công nghệ và đưa vào sản xuất những dây chuyền yêu cầu cao về trình độ quản lý và điều hành. Ngoài ra xu thế và nhu cầu làm việc từ xa, làm việc di động dựa trên các nền tảng công nghệ số đã tăng lên trong bối cảnh đại dịch Covid-19. Tuy nhiên, nhiều doanh nghiệp do thiếu hụt lao động có những kỹ năng số hóa, đã phải thuê NNL ngoài công ty để vận hành các nền tảng số hóa một số quy trình sản xuất, quản trị doanh nghiệp.

Thách thức trong liên kết giữa các cơ sở đào tạo với doanh nghiệp bảo đảm đầu ra cho nguồn lao động. Trong bối cảnh của nền kinh tế số, quá trình liên kết giữa các cơ sở đào tạo (CSĐT) và doanh nghiệp là tất yếu khách quan, đã có nhiều đổi mới về hình thức, thiết thực và hiệu quả tạo những bước chuyển rất căn bản trong chương trình đào tạo, xây dựng các tiêu chí chuẩn đầu ra, tăng cường các kỹ năng thực hành, nâng cao năng lực chuyên môn để từng bước đáp ứng các tiêu chí của doanh nghiệp cũng như thị trường lao động hiện nay. Tuy nhiên, xét một cách tổng thể, hợp tác giữa các CSĐT, các trường đại học đào tạo NNLCLC và doanh nghiệp vẫn chưa khăng khít, gặp nhiều khó khăn và có phần hời hợt. Chưa có sự đầu tư chú trọng đến hợp tác nghiên cứu, ứng dụng công nghệ, phương pháp làm việc trong môi trường mới…dẫn đến nhu cầu liên kết đào tạo giữa các trường đại học và doanh nghiệp chưa cao.

2.4. Một số kiến nghị đề xuất nhằm nâng cao chất lượng đào tạo NNLCLC đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế đất nước trong bối cảnh hiện nay

Thứ nhất, thực hiện nhất quán tinh thần của Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng về chủ trương: Đẩy mạnh phát triển NNL, nhất là NNLCLC, đáp ứng yêu cầu của cuộc CMCN 4.0 và hội nhập quốc tế. Phát triển đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học đầu ngành; chú trọng đội ngũ nhân lực kỹ thuật, nhân lực số, nhân lực quản trị công nghệ, nhân lực quản lý, quản trị doanh nghiệp; nhân lực quản lý xã hội và tổ chức cuộc sống, chăm sóc con người.

Thứ hai, nhiệm vụ then chốt để nâng cao chất lượng NNLCLC đó là đổi mới toàn diện chương trình đào tạo, mô hình đào tạo, tích cực đào tạo NNL có trình độ chuyên môn cao. Trong nhiệm vụ then chốt này cần nhanh chóng hoàn thiện hệ thống giáo dục theo hướng mở, hội nhập, tổ chức, sắp xếp lại hệ thống giáo dục, nhất là giáo dục đại học và dạy nghề. Khắc phục các bất hợp lý về quy mô đào tạo, cơ cấu trình độ ngành, nghề và cơ cấu vùng, miền; gắn đào tạo với nghiên cứu khoa học và ứng dụng KHCN vào thực tế. Tập trung phát triển các ngành nghề chất lượng cao như: lĩnh vực kỹ thuật số, công nghệ thông tin, công nghệ phần mềm, năng lượng mới, vật liệu mới, công nghệ sinh học, ngành tự động hóa, thông tin vệ tinh, số hóa,..để giúp người lao động có thể làm chủ khi cuộc cách mạng số hóa bùng nổ như hiện nay; Lập kế hoạch, dự báo thường xuyên và cung cấp thông tin về nhu cầu nhân lực của thị trường, nhất là nhu cầu của các doanh nghiệp, các địa phương nhằm điều tiết quy mô, cơ cấu ngành, nghề và trình độ đào tạo cho phù hợp.

Thứ ba, hoạch định chiến lược tổng thể, lâu dài trong đào tạo NNLCLC, xem đó là then chốt để tạo bước nhảy đột biến cho quá trình phát triển kinh tế đất nước, chiến lược phát triển NNLCLC gắn với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, CNH, HĐH đất nước, hội nhập kinh tế quốc tế; xác định thật rõ xây dựng NNL là trách nhiệm của các nhà hoạch định và tổ chức thực hiện chính sách, trách nhiệm của cả hệ thống chính trị.

Thứ tư, xây dựng và hoàn thiện hệ thống cơ chế chính sách đồng bộ để phát triển NNLCLC. Dưới sự điều hành và quản lý nhà nước đã ban hành nhiều cơ chế, chính sách mới có tác động tích cực đến việc phát triển NNLCLC. Thực tế trong quá trình thực hiện đã bộc lộ không ít những hạn chế, bất cập, hiệu quả mang lại chưa tương xứng. Do đó, đòi hỏi cần phải thường xuyên điều chỉnh, bổ sung và hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách tạo hành lang pháp lý thuận lợi cho các trường, các CSĐT nguồn lực chất lượng cao. Chú trọng đào tạo người lao động có kỹ năng, các nhà doanh nghiệp tài ba, các nhà quản lý giỏi...

Thứ năm, Phát huy hơn nữa vai trò của doanh nghiệp trong tham gia đào tạo NNLCLC. Các CSĐT đại học và đào tạo nghề nghiệp cần đẩy mạnh hợp tác liên doanh, liên kết với các CSĐT trong khu vực và quốc tế để vừa thu hút được nhiều nguồn lực nước ngoài (vốn, công nghệ, phương pháp giảng dạy…) để phát triển NNL trong nước, vừa từng bước tham gia vào sự phân công lao động quốc tế trong đào tạo NNLCLC, tiết kiệm chi phí đào tạo. Việc liên kết giữa các CSĐT với

doanh nghiệp cần phải thực hiện một cách có hệ thống, đồng bộ tạo thành mạng lưới liên kết, trong đó lấy người học là trung tâm của quá trình đào tạo, xem doanh nghiệp là khách hàng đặc biệt để huy động các nguồn lực tài chính tham gia vào quá trình đào tạo ra NNL thực sự chất lượng.

Thứ sáu, nâng cấp CSVC kỹ thuật hạ tầng, đầu tư tài chính trong nghiên cứu khoa học, thực hiện chuyển giao công nghệ và ứng dụng trong công tác đào tạo, bồi dưỡng NNLCLC, phát huy sản phẩm ứng dụng công nghệ vào trong lao động sản xuất, tăng cường hoạt động sáng tạo nâng cao chất lượng tư duy chất xám của người lao động Việt Nam, chủ động trong quan hệ hợp tác hữu nghị với các trường đại học, viện nghiên cứu trong hợp tác quốc tế về đào tạo nguồn lao động, chủ động trong đầu ra cho người học có thể đáp ứng đủ các tiêu chí về chất lượng.

III. KẾT LUẬN

Giáo dục Việt Nam trong bối cảnh cuộc CMCN 4.0 hiện nay thực sự đang đứng trước những thời cơ và thách thức lớn để thay đổi diện mạo, trong đó với mục tiêu đào tạo ra một NNLCLC cho phát triển kinh tế - xã hội. Hướng đến đào tạo nâng cao chất lượng nguồn lao động chất lượng cao, hơn bao giờ hết chúng ta cần tập trung các nguồn lực, xác định mục tiêu, xây dựng chiến lược đào tạo lâu dài phù hợp với thực tiễn của đất nước trong giai đoạn hội nhập. Thực hiện tốt giải pháp này sẽ góp phần khắc phục căn bản thực trạng thiếu hụt về số lượng, hạn chế về chất lượng, bất hợp lý về cơ cấu NNL, nhất là NNLCLC ở nước ta hiện nay. Để NNLCLC thực sự trở thành nguồn lực chính cho động lực phát triển kinh tế - xã hội thực hiện các mục tiêu của đất nước trong giai đoạn tới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), "*Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII"*, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.

[2] Tổng cục thống kê (2024), *Báo cáo thống kê dân số Việt Nam,* https://danso.org

[3] Phạm Thị Hạnh (2020), *"Phát triển, nâng cao chất lượng NNL trong bối cảnh cuộc CMCN 4.0"*. https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/chinh-tri-xay-dung-dang/-/2018/815949/phat-trien%2C-nang-cao-chat-luong-nguon-nhan-luc-trong-boi-canh-cuoc-cach-mang-congnghiep-lan-thu-tu